

Số: 268/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 2, ngày 09 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 321/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020, về việc “Ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thụy Huyền Tr, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 16 đường số B, khu phố C, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Bùi Đức Nh, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số 16 đường số B, khu phố C, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Biên bản thỏa thuận thuận tình ly hôn, thỏa thuận con chung và tài sản chung ngày 01 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản thỏa thuận thuận tình ly hôn, thỏa thuận con chung và tài sản chung ngày 01 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản thỏa thuận thuận tình ly hôn, thỏa thuận con chung và tài sản chung, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thụy Huyền Tr, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 16 đường số B, khu phố C, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Bùi Đức Nh, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số 16 đường số B, khu phố C, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thụy Huyền Tr và ông Bùi Đức Nh thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 124; Quyền số I ngày 29/8/2001 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai không còn giá trị pháp lý).

Về con chung: Bà Nguyễn Thụy Huyền Tr và ông Bùi Đức Nh có 03 (ba) con chung tên Bùi V (Nữ), sinh ngày 31/03/2001 đã trưởng thành nên ở với ai tự quyết định; Bùi Bích N (Nữ), sinh ngày 17/02/2008, Bùi Hoàng H (Nam), sinh ngày 17/02/2008. Bà Tr nuôi con chung Bùi Bích N (Nữ), sinh ngày 17/02/2008 và không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng. Ông Nh nuôi con chung Bùi Hoàng H (Nam), sinh ngày 17/02/2008. Hàng tháng bà Tr đồng ý cấp dưỡng cho ông Nh số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)/tháng, bắt đầu từ ngày 15/9/2020 cho đến khi con chung trưởng thành.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tr và ông Nh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn đồng), bà Nguyễn Thụy Huyền Tr tự nguyện chịu, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn đồng) bà Tr đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0027878 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 20/8/2020. Bà Tr được hoàn lại 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng. Ông Nh không phải nộp án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện L, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu (VT), hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Hải Yến